

Bản án số: 139/2026/HS-PT
Ngày: 07-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn

Ông Phạm Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 167/2026/TLPT-HS ngày 31 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo Đỗ Thanh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2026/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đỗ Thanh T, sinh ngày: 10/10/1993 tại Cần Thơ; nơi cư trú: ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Trí T1 và bà Đoàn Thị B; Bị cáo có vợ là Phạm Thị Hồng P và 03 người con (người con lớn nhất sinh năm 2015; nhỏ nhất sinh năm 2026); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại có kháng cáo:

1. Ông Đặng Lâm S, sinh 1961 (cha ruột của bị hại) (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Thùy T2, sinh ngày 01/01/1970 (mẹ ruột của bị hại) (có mặt).

Nơi cư trú: Khu V, phường Ô, thành phố Cần Thơ.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trịnh Hữu B1 – Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra trong vụ án còn có người tham gia tố tụng khác do không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 40 phút ngày 30/6/2025, bị cáo Đỗ Thanh T điều khiển xe ô tô tải biển số 68B-025.29, trên xe có anh Lê Hoàng H và anh Đặng Văn T3, đi hướng từ quận Ô đến huyện T, thành phố Cần Thơ (cũ) trên tuyến tỉnh lộ 922. Khi đến đoạn thuộc ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là phường Ô, thành phố Cần Thơ) bị cáo T điều khiển xe lấn sang phần đường bên trái, lúc này có xe mô tô biển số 93T6-2354 do anh Đặng Trí T4 điều khiển theo hướng ngược lại, anh H thấy xe của anh T4 hơi loạng choạng nên kêu bị cáo T xử lý đánh lái về bên phải nhưng bị cáo không kịp xử lý nên va chạm vào xe mô tô của anh T4. Hậu quả anh T4 bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ, đến 09 giờ 30 phút cùng ngày thì anh T4 tử vong.

+ Kết luận giám định số 3697/KL-KTHS ngày 20/8/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: khi va chạm xe ô tô tải biển số 68B-025.29 chuyển động trên tỉnh lộ 922, hướng Ô đi T, xe mô tô biển số 93T6-2354 chuyển động trên tỉnh lộ 922 theo hướng ngược lại. Vị trí va chạm giữa xe ô tô tải 68B-025.29 với xe mô tô biển số 93T6-2354 chiếu xuống mặt đường nằm ở phần đường bên trái trên tỉnh lộ 922, hướng Ô đi hướng Thới Lai.

+ Kết luận giám định tử thi số 708 ngày 23/7/2025 của Phòng K Công an thành phố C kết luận nạn nhân Đặng Trí T4 tử vong do dập não và xuất huyết não sau chấn thương sọ não nặng.

+ Kết luận giám định số 97/KL-KTHS ngày 24/7/2025 của Phòng K Công an thành phố C kết luận trong mẫu máu gửi giám định của Đặng Trí T4 tìm thấy thành phần E, nồng độ 133,80mg/100ml máu (bút lục 71). Kết luận giám định số 96/KL-KTHS ngày 25/7/2025 của Phòng K Công an thành phố C kết luận trong mẫu máu gửi giám định của Đặng Trí T4 không tìm thấy các chất ma túy nhóm ATS, Opiat và sản phẩm chuyển hoá.

Quá trình điều tra xác định nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông là do bị cáo Đỗ Thanh T điều khiển xe ô tô chạy lấn sang phần đường của xe chạy ngược chiều, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ.

Qua kiểm tra bị cáo Đỗ Thanh T có giấy phép lái xe hạng C có giá trị đến 19/4/2028, không có nồng độ cồn và ma túy trong cơ thể.

Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 24/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân phường Ô kết luận: giá trị thiệt hại của xe mô tô biển số 93T6-2354 là 6.652.000 đồng và xe ô tô tải biển số 68B-025.29 là 6.162.000 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo Đỗ Thanh T thành khẩn nhận tội; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; được gia đình nạn nhân có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKSCTO-KV ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ đã truy tố bị cáo Đỗ Thanh T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2026/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Thanh T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thanh T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 7 năm 2026, bị cáo Đỗ Thanh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 28 tháng 6 năm 2026, đại diện hợp pháp của bị hại ông Đặng Lâm S và bà Trần Thị Thùy T2 có đơn kháng cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo
- Đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo và đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu và tranh luận:

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình

sự. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo. Từ đó quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Tuy nhiên xét thấy tại cấp phúc thẩm, bị cáo có cung cấp văn bản xác nhận của địa phương về gia đình của bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn: bị cáo là lao động chính đang nuôi con 03 con nhỏ dưới 15 tuổi; cha của bị cáo bị tai biến không thể tự đi lại, mẹ của bị cáo vừa bị gãy tay nên không thể tự sinh hoạt. Về phía gia đình của bị hại cũng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Như vậy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Luật sư trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo: thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bản thân bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, là lao động chính đang nuôi 03 con nhỏ, cha bị tai biến, mẹ bị gãy tay. Đại diện hợp pháp cho bị hại cũng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng khoản 1 Điều 54, Điều 65 để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Bị cáo thống nhất quan điểm của Luật sư trình bày, không trình bày gì thêm.

- Đại diện hợp pháp của bị hại bà Trần Thị Thùy T2 đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo và chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại vì hoàn cảnh gia đình của bà khó khăn, chồng của bà bị bệnh không lao động được, trong thời gian qua bị cáo vẫn tới tui hỗ trợ về kinh tế cho gia đình của bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã tuyên. Đối chiếu lời khai của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hiện trường vụ án cùng với tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 30/6/2025 trên tuyến tỉnh 922 tại đoạn thuộc ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ bị cáo Đỗ Thanh T điều khiển xe ô tô biển số 68B-025.29 lấn sang phần đường của xe mô tô do anh Đặng Trí T4 đang chạy ngược chiều gây tai nạn, hậu quả làm anh Đặng Trí T4 tử vong.

Hành vi của điều khiển xe ô tô chạy lấn sang phần đường của xe chạy ngược chiều của bị cáo là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ. Hành vi nêu trên của bị cáo gây hậu quả gây chết người, đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh, khung hình phạt là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng:

[3.1] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rất rõ khi tham gia giao thông đường bộ phải tuân thủ quy định của pháp luật để đảm bảo tính mạng, sức khỏe, tài sản của bản thân bị cáo và của những người tham gia giao thông khác nhưng mặc dù điều khiển xe ô tô tải là nguồn nguy hiểm cao độ, bị cáo vẫn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về giao thông, chạy lấn làn đường gây tai nạn dẫn đến cái chết cho bị hại. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả đã gây ra.

[3.2] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo và ông Lê Hoàng P1 đã khắc phục hậu quả xong cho đại diện bị hại; gia đình bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Bên cạnh đó, cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, không tiền sự để quyết định mức án 01 năm tù đối với bị cáo là phù hợp nên không có căn cứ giảm nhẹ thêm hình phạt cho bị cáo.

[3.3] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo có cung thêm được giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, cha của bị cáo bị tai biến không thể đi lại; mẹ của bị cáo vừa bị gãy tay không thể tự sinh hoạt được; bị cáo là lao động chính và đang nuôi 03 con nhỏ dưới 15 tuổi nên theo hướng dẫn Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ các căn cứ trên, xét thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và có thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ –HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 01/2022/NQ –HĐTP ngày 15/4/2022 và được hợp nhất tại Văn bản số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao; bị cáo có hoàn cảnh hết sức khó khăn, có thiện chí rất tốt trong việc bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại cũng kháng cáo và tha thiết xin cho bị cáo được hưởng án treo nên để hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà để bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt mà vẫn đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Từ đó, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo. Việc sửa bản án sơ thẩm do có thêm tình tiết mới, không phải lỗi của cấp sơ thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đề cập xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và không chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo của đại diện hợp pháp của bị hại.

- Chấp nhận một phần kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Đỗ Thanh T và chấp nhận một phần kháng cáo xin hưởng án treo cho bị cáo của đại diện hợp pháp của bị hại.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2026/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ về hình phạt.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Thanh T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

2. Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thanh T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại 87 Luật thi hành án hình sự”

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GD, KT I;
- VKSND TP Cần Thơ;
- TAND; VKSND; P. THADS KV2-Cần Thơ;
- CQCSĐT – CA TP Cần Thơ;
- CQTHAHS – CA TP Cần Thơ;
- PHSNV – CA TP Cần Thơ;
- Bị cáo;
- UBND xã Cờ Đỏ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thọ

TÒA

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Võ Thái Sơn Phan Lê Vũ Huy H1

Phạm Văn B2